

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2024

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số E, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/7/2023 bà Huỳnh Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 10 năm 2019, được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà D và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân và chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống có được một con chung nhưng trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung nên

xảy ra cự cãi, mâu thuẫn ngày càng kéo dài và gay gắt, không thể hàn gắn được, đã ly thân. Bà D xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 23/4/2020, hiện do ông T nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà D đồng ý để cháu N cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 02/10/2024 ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà D đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U. Trong quá trình chung sống do vợ ông bỏ đi và yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 23/4/2020, hiện do ông T nuôi dưỡng, sau khi ly hôn ông T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

- *Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị D với ông Nguyễn Văn T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 23/04/2020 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Văn T có đơn đề

ng nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà D và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà D với ông T là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà D với ông T đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và đã ly thân, bà D yêu cầu ly hôn với ông T và ông T cũng thống nhất ly hôn với bà D. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà D và ông T ly hôn.

[4] Về con chung: Bà D và ông T xác định có 1 cháu tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, hiện tại ông T đang nuôi dưỡng, bà D đồng ý tiếp tục giao cháu N cho ông T nuôi dưỡng, ông T cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu N, xét thấy cháu N do ông T đã nuôi dưỡng ổn định. Do đó, tiếp tục giao cháu N cho ông T nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Văn T không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi cháu N nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung; về nợ chung: không xem xét.

[7] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị D với ông Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 23/4/2020 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung; về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí: Bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà D đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011359 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu.

Bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh Hội, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn